TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 25- 03 -2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN,TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thị Phương Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp
2.Ông Phạm Ngọc Đông

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thư - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T
Trú: Thôn Tây Bắc 1, xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T

Trú: Tổ 47, KV9, P. Đống Đa, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Chị Nguyễn Thị H
Trú: Tổ 47, KV9, P. Đống Đa, Tp. Quy Nhơn, Bình Định.

- Chị T có mặt tại phiên tòa; anh T và chị đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn,chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Minh T quen biết nhau từ việc làm ăn buôn bán ngư lưới cụ. Vào tháng 12/2016, do anh T có nhu cầu đóng tàu composite để làm nghề biển nên anh T có đưa cho chị xem một số giấy tờ thủ tục xin vay vốn ngân hàng để hỏi vay 200.000.000đ làm vốn đối ứng đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67 của Chính phủ. Sau nhiều lần anh T hỏi vay thì ngày 21/02/2017 chị cho anh T vay 200.000.000đ. Chị là người giao tiền và anh T là người trực tiếp nhận tiền, địa điểm giao nhận tiền là trụ sở phòng giao dịch Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Định số 399 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn. Chị giao cho anh T 400 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ được rút từ tài khoản của chị số 58010000982009 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Định, chị không nhớ số seri. Thời gian giao nhận tiền là khoảng 10h 45 phút ngày 21/02/2017. Sau khi nhận tiền xong anh T viết và ký tên vào giấy mượn tiền cùng ngày 21/02/2017 và đưa cho chị giữ. Việc giao nhận tiền chỉ chị và anh T chứ không có ai khác chứng kiến.

Chị và anh T thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay là từ 03-06 tháng, lãi vay theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận với chị về nội dung: Khi nào tàu đóng xong và đưa vào đánh bắt xa bờ thì anh T sẽ mua lưới đánh cá do chị bán.

Ngoài ra vào sáng ngày 29/3/2017, chị có cho anh T vay 150.000.000đ, mục đích vay để anh T đặt cọc tiền mua lưới. Hình thức giao tiền là chuyển khoản theo số chứng minh nhân dân của vợ anh T là Nguyễn Thị H (211659386 do công an Bình Định cấp ngày 13/3/2013) tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bình Định, thời hạn vay 02 bên thỏa thuận miệng là 01 tuần, vay không lãi suất, do chị chuyển tiền cho anh T vay qua Ngân hàng nên có chứng từ của Ngân hàng nên chị không yêu cầu anh T viết giấy mượn tiền.Chiều cùng ngày anh T đã trả lại cho chị đủ số tiền 150.000.000đ. Hình thức trả tiền là anh T nộp tiền vào tài khoản đứng tên chị tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bình Định, tài khoản số 58010000982009. Đối với khoản vay 150.000.000đ ngày 29/3/2017 này anh T đã trả xong nên chị không có yêu cầu gì và khoản vay này không liên quan đến số tiền vay 200.000.000đ trên.

Từ tháng 9/2017 đến nay, chị nhiều lần tìm gặp và yêu cầu anh T trả số tiền 200.000.000đ vay ngày 21/02/2017 và lãi vay thì anh T có nói miệng là đã trả đủ 150.000.000đ nên nay anh T không còn nợ. Việc anh Nguyễn Minh T mượn tiền 200.000.000đ là phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế gia đình, vợ anh T là chị Nguyễn Thị H có biết nên yêu cầu anh chị có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn anh Nguyễn Minh T và người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H:*

Tòa đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết theo qui định pháp luật yêu cầu các đương sự đến Tòa làm việc nhưng anh T, chị H không khai báo, không chấp hành nghĩa vụ với tư cách bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của tố tụng Dân sự.

* Hai bên đương sự không thống nhất về số nợ gốc 200.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 21/02/2017.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn anh Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại các điều 70,72 và 73 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

-Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T 200.000.000đ .

- Công nhận tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Minh T,chị Nguyễn Thị H trả lãi .

-Về chi phí giám định và án phí Dân sự sơ thẩm: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trong vụ án được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đòi số tiền gốc 200.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 21/02/2017: Qua thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bị đơn anh Nguyễn Minh T để tiến hành việc trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn; Căn cứ kết luận giám định số 238/KLGĐ-PC09 ngày 04/01/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Định: "*chữ ký,chữ viết đứng tên Nguyễn Minh T trên Giấy mượn tiền đề ngày 21/2/17 tài liệu cần giám định ... với chữ ký,chữ viết của ông Nguyễn Minh T trên: Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí nhiên liệu,đề ngày 23/5/2016...,02 Đơn xin giải trình,đề ngày 10/11/2016...;Đơn đề nghị hổ trợ chi phí nhiên liệu,đề ngày 19/4/2016...;Đơn đề nghị hổ trợ chi phí nhiên liệu,đề ngày 31/3/2016.... là do cùng một người ký và viết ra*".Như vậy có cơ sở xác định,việc anh Nguyễn Minh T còn nợ lại chị Nguyễn Thị T số tiền 200.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 21/02/2017 là đúng. Xét

thấy giấy mượn tiền giữa hai bên không ghi kỳ hạn, chị T đã báo cho bên bị đơn một thời gian hợp lý để thanh toán nợ nhưng anh T không trả là vi phạm qui định tại các điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự. Ngoài giao dịch này, theo chị T trình bày chị còn cho anh T vay 150.000.000đ ngày 29/3/2017 này anh T đã trả xong nên không có yêu cầu gì. Xét thấy hai khoản tiền vay hoàn toàn không liên quan gì nhau về số tiền vay, thời điểm vay. Hiện chị T vẫn còn lưu giữ bản gốc của giấy mượn tiền ngày 21/02/2017 nên yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay chị T có yêu cầu buộc anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H thanh toán số nợ gốc 200.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 21/02/2017. Xét thấy để chị T cho vay được khoản tiền 200.000.000 đ anh T đã đưa cho chị T xem Đơn đăng ký vay vốn đóng mới tàu cá khai thác hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá viết ngày 12/10/2016 có xác nhận của UBNDP. Đống Đa. Như vậy mục đích khoản vay là vay vốn đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67 của Chính phủ nhằm phát triển kinh tế gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với giao dịch do một bên thực hiện cho ngân hàng theo qui định các điều 27, 30 Luật Hôn nhân gia đình .

[4] Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh T, chị H trả lãi vay. Xét sự tự nguyện này của chị Thanh phù hợp quy định pháp luật nên tòa công nhận.

[5]

- Về chi phí giám định chị Nguyễn Thị T đã nộp xong, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H phải chịu; anh T và chị H có trách nhiệm hoàn trả cho chị T theo qui định tại điều 161,162 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

-Về án phí Dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại các điều 18, 24, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/PL- UBTVQH ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H phải chịu. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463,466,469 của Bộ luật Dân sự các điều 27, 30 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ các điều 161,162 của Bộ luật tố tụng Dân sự

Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 301/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

2 - Buộc anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3- Công nhận tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H trả lãi .

4- Về án phí và chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006369 ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn.

4.2. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Minh T và chị Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 5.100.000đ.

Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Cao Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND TP Quy Nhơn*
- *Đương sự*
- *Lưu hồ sơ*